

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13/01/2023

V/v “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội Đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thẩm Văn Minh

Ông Đỗ Cao Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Kiều Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1974.

Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Khu M, thị trấn YL, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

(Chị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Viên, huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 09/7/2004. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn do không thống nhất làm ăn nên bất đồng quan điểm. Từ đó vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau, vợ chồng đã khắc phục nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không khắc phục được. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Anh Đ1, sinh ngày 25/6/2005, Trần Anh N, sinh năm 28/9/2009. Nếu ly hôn chị xin được trực

tiếp nuôi cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. *Bị đơn anh Trần Văn Đ* đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và nhận được các giấy triệu tập hợp lệ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa thông qua anh Trần Văn Lợi là anh trai anh Đ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ không lần nào đến Tòa án để tham gia tố tụng vì thế không có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Thông qua anh Lợi cho biết anh Đ hiện nay đang ở với mẹ đẻ ở khu 4 xã X và anh Đ có biết Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị S và anh Đ. Vợ chồng chị S, anh Đ đã ly thân khoảng trên 10 năm nay. Quan điểm của gia đình đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Vì điều kiện anh Đ bận làm ăn ở Hà Nội nên không về để giải quyết được.

3. *Tại các bản tự khai cùng ngày 12/10/2022 các cháu Trần Anh Đại và Trần Anh N đều trình bày:* Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì các cháu xin được ở với mẹ là tự nguyện.

4. *Tại biên bản làm việc với Trưởng khu, Tư pháp và đại diện UBND thị trấn YL có nội dung:*

Chị S và anh Đ đều có địa chỉ tại khu M, thị trấn YL, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, chị S có nghi ngờ và ghen tuông với anh Đ. Vợ chồng có thời gian sống ly thân, hiện nay anh Đ không có mặt tại địa phương, đi làm ăn ở Hà Nội, ít khi về nhà. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

5. *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội Đ xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án. Bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật. Hội Đ xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã lập thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo đầy đủ văn bản tố tụng, đúng quy định pháp luật cho phía bị đơn.

Về nội dung vụ án đề nghị hướng giải quyết như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Trần Văn Đ.

Về con chung: Giao cho chị S được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Anh Đại, sinh ngày 25/6/2005, Trần Anh N, sinh ngày 28/9/2009. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị S tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Đề nghị Hội Đ xét xử không xem xét, do đương sự không yêu cầu.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội Đ xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị S, Hội Đ xét xử xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Bị đơn anh Trần Văn Đ đang cư trú tại thị trấn YL, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

[2] *Tại phiên tòa hôm nay* nguyên đơn chị Nguyễn Thị S vắng mặt, tuy nhiên chị đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Văn Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội Đ xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các bên đương sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị S tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Viên, huyện YL, tỉnh Phú Thọ, ngày 09/7/2004, đây là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị S được đại diện khu dân cư và Ủy ban nhân dân thị trấn YL cho biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Đ và chị S do vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, chị có nghi ngờ, ghen tuông với anh Đ. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Đ thông qua anh trai là Trần Văn Lợi cũng đề nghị cho ly hôn. Do vậy cần xử cho chị S được ly hôn anh Đ là phù hợp thực tế và đúng với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Chị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là phù hợp thực tế và phù hợp với nguyện vọng của các con chung, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy cần giao cho chị S được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Anh Đại, sinh ngày 25/6/2005, Trần Anh N, sinh ngày 28/9/2009. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị S tự nguyện không yêu cầu.

[5] *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Chị S không đề nghị Tòa án giải quyết.

[6] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Trần Văn Đ.
2. Về con chung: Giao cho chị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Anh Đại, sinh ngày 25/6/2005, Trần Anh N, sinh ngày 28/9/2009. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị S tự nguyện không yêu cầu. Việc nuôi con của chị S kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên. Anh Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị S không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn Đ). Xác nhận chị Nguyễn Thị S đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn Đ) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0008491 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Chị S đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện YL;
- Chi cục THADS huyện YL;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Tuấn Anh